

Bản án số: 99/2020/HS-PT
Ngày 28 - 12 - 2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Châu Văn Mỹ

Các Thẩm phán:

Ông Trần Quang Khang

Bà Tăng Trần Quỳnh Phương

- Thư ký phiên tòa: Ông Lâm Trần Thanh, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Xuyên - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 114/2020/TLPT-HS ngày 02 tháng 11 năm 2020 đối với bị cáo Lương Bích C cùng đồng phạm, do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 35/2020/HS-ST ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Đông Hải, tỉnh Bạc Liêu.

- Các bị cáo có kháng cáo:

1. Họ và tên: **Lương Bích C**, sinh năm 1971 tại huyện Đông Hải, tỉnh Bạc Liêu. Nơi cư trú: Ấp CD.A, xã LĐ, huyện ĐH, tỉnh Bạc Liêu; giới tính: Nữ; Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 5/12; nghề nghiệp: Làm thuê; Con ông Lương Văn B, sinh năm 1950 và bà Đỗ Thị Y, sinh năm 1952; có chồng tên Châu Văn Tr, sinh năm 1969 (đã ly hôn); có 03 người con lớn nhất sinh năm 1995, nhỏ nhất sinh năm 2005; tiền án, tiền sự: Không; bị khởi tố ngày 22/5/2019 áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay, (có mặt).

2. Họ và tên: **Lương Văn S**, sinh năm 1970 tại huyện Đông Hải, tỉnh Bạc Liêu. Nơi cư trú: Ấp CD.A, xã LĐ, huyện ĐH, tỉnh Bạc Liêu; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 08/12; nghề nghiệp: Làm ruộng; Con ông Lương Văn B, sinh năm 1950 và bà Đỗ Thị Y, sinh năm 1952; có vợ tên Cái Thị B1, sinh năm 1978 (đã chết); có 04 người con, lớn nhất, sinh năm 1996 và nhỏ nhất, sinh năm 2004; tiền án, tiền sự: Không; bị khởi tố ngày 22/5/2019 áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay, (có mặt).

3. Họ và tên: **Châu Phương A**, sinh ngày 02/9/1995 tại huyện Đông Hải, tỉnh Bạc Liêu. Nơi cư trú: Ấp CD.A, xã LĐ, huyện ĐH, tỉnh Bạc Liêu; Giới tính: Nữ; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Trình độ học vấn: 11/12; Nghề nghiệp: Làm thuê; Con ông Châu Văn Tr, sinh năm 1969 và bà Lương Bích

C, sinh năm 1971; có chồng tên Seo Jeong H, sinh năm 1976; có 01 người con sinh năm 2018; Tiền án, tiền sự: Không; Bị khởi tố ngày 22/02/2019 áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay, (có mặt).

4. Họ và tên: **Trần Thanh L**, sinh năm 1981 tại huyện Đông Hải, tỉnh Bạc Liêu. Nơi cư trú: Ấp X, xã AT.A, huyện ĐH, tỉnh Bạc Liêu; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 08/12; nghề nghiệp: Làm ruộng; Con ông Trần Văn V, sinh năm 1950 và bà Huỳnh Thị Tr1, sinh năm 1952; có vợ Nguyễn Ngọc Nh, sinh năm 1980 (đã ly hôn); có 02 người con, lớn nhất, sinh năm 2002 và nhỏ nhất, sinh năm 2012; tiền án, tiền sự: Không; bị khởi tố ngày 03/4/2020 áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay, (có mặt).

- *Người bào chữa cho các bị cáo Lương Bích C, Lương Văn S, Châu Phương A, Trần Thanh L:* Ông **Phạm Đăng Khoa**, Luật sư - Văn phòng luật sư Đăng Khoa, Đoàn luật sư tỉnh Bạc Liêu (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lương Bích C và ông Châu Văn Tr chung sống với nhau có được 03 người con chung gồm: Châu Phương A, sinh ngày 02/9/1995, em Châu Tấn P, sinh ngày 16/9/2002 và em Châu Thị Anh T, sinh ngày 21/6/2005. Vào khoảng cuối năm 2016, Châu Phương A kết hôn với một người mang quốc tịch Hàn Quốc tên Kim Dong H1, sau khi kết hôn thì Kim Dong H1 trở về Hàn Quốc và không bảo lãnh Phương A sang Hàn Quốc nên Phương A làm đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn nộp tại Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu nhưng bị Tòa án trả lại đơn khởi kiện.

Vì muốn Phương A sớm được kết hôn với ông Seo Jeong H, nên Lương Bích C cùng Lương Văn S (cậu ruột của bị cáo Phương A) đã bàn bạc, thống nhất bịa ra tên một người không có thật là Châu Anh Thư, sinh ngày 20/10/1993 rồi để Châu Phương A mang tên này đăng ký thường trú nhập khẩu vào hộ bị cáo Lương Bích C tại ấp CD.A, xã LĐ nhằm làm các thủ tục để Châu Anh Thư (thật tế là Châu Phương A) kết hôn được với ông Seo Jeong H. Do C và Phương A đang làm thuê tại thành phố Hồ Chí Minh nên Chân đã thống nhất với S là giao cho S trực tiếp thực hiện các thủ tục để nhập khẩu cho Châu Anh Thư và làm các thủ tục, giấy tờ khác mang tên Châu Anh Thư. Còn Lương Bích C và Châu Phương A sẽ về địa phương làm các thủ tục cần thiết khi S yêu cầu.

Sau đó, ngày 02/8/2017 Lương Văn S đến Công an xã LĐ làm thủ tục xin nhập khẩu và đem phiếu xác minh hộ khẩu, nhân khẩu (HK03) do Công an xã LĐ cấp đến Công an xã AT.A để liên hệ trả lời xác minh. S đã nhờ ông Hồ Văn Tr2 là dựng rề của ông Ngô Hồng Tr3 – Chủ tịch xã AT.A dẫn S đến gặp ông Tr3 để được xác minh. Ông Tr3 chỉ đạo ông Trần Minh L là Trưởng Công an xã xem xét xác nhận, sau khi ông L kiểm tra sổ đăng ký hộ khẩu thường trú (HK11) thì phát hiện vợ chồng ông Tr và C không có người con nào tên Châu Anh Thư nên không đồng ý xác nhận nên S đã báo cho Lương Bích C biết sự việc. Đến ngày 03/8/2017, C đã gọi điện nhờ bạn là Trần Thanh L (ngụ ấp 1, xã AT.A) nói rõ việc làm giả và nhờ giúp đỡ thì được Long đồng ý giúp đỡ. Dựa vào mối quan hệ với

ông Trần Văn V (ngụ cùng ấp, là cán bộ ở xã AT.A) nên L nhờ ông V giới thiệu cho gặp ông Trần Tấn P (Phó Công an xã AT.A) để nhờ giúp đỡ. Sáng ngày 04/8/2017, ông P đã kiểm tra sổ đăng ký thường trú và nhận thấy trong sổ đăng ký không có tên Châu Anh Thư nhưng do tin tưởng ở ông V; đồng thời ông P nhầm tưởng Châu Anh Thư chính là Châu Phương A nên ông P đã xác nhận vào phiếu xác minh với nội dung đương sự Châu Anh Thư có tạm trú tại địa phương và đưa cho ông Võ Văn P1 là Công an viên ký cán bộ lập phiếu rồi đưa giấy này cho L mà bỏ qua việc tiến hành các thủ tục xác minh về Châu Anh Thư tại địa phương theo quy định.

Sau khi ông P xác nhận, cùng ngày 04/8/2017 L đưa phiếu xác minh cho S đem về Công an xã LD làm thủ tục nhập tên Châu Anh Thư vào hộ khẩu của Lương Bích C. Tại Công an xã LD, sau khi xem kết quả trả lời trong phiếu xác minh của Công an xã AT.A, ông Trần Thành H là Phó Công an xã chỉ đạo ông Đỗ Minh Th là Công an viên viết biên bản xác minh, ông Th đã viết phiếu xác minh do S cung cấp thông tin với nội dung là Châu Anh Thư có sinh sống tại ấp CD.A, xã LD mà không trực tiếp xuống địa phương xác minh cụ thể theo đúng quy trình. Cũng trong ngày 04/8/2017, S tự đem biên bản xác minh này cùng với đơn xin xác nhận mối quan hệ gia đình do S tự viết, tự ký giả chữ viết, chữ ký của C về ấp CD.A để nhờ ông Lê Văn S1, ông Đỗ Văn N là người cùng địa phương và ông Lê Văn H1 là Trưởng ấp CD.A ký vào biên bản. Do không kiểm tra và tin tưởng S nên ông H1 và ông S1 đã ký vào biên bản, còn ông N không chịu ký nên S đã ký giả chữ ký của ông N vào biên bản xác minh, ông H1 còn ký vào đơn xin xác nhận mối quan hệ gia đình do S đưa. Đối với bị cáo Châu Phương A theo yêu cầu của S từ thành phố Hồ Chí Minh về, vào ngày 08/8/2017 đã cùng với Lương Văn S đến Công an xã Long Điền để làm việc với tên giả Châu Anh Thư; còn ông S đã nhờ người trong Công an xã (không rõ là ai) viết hộ Phiếu báo thay đổi hộ khẩu, nhân khẩu (HK02) và Bản khai nhân khẩu (HK01) rồi tự ký giả chữ ký Châu Anh Thư vào bản khai này. Từ các thủ tục nêu trên, đến ngày 10/8/2017 Châu Anh Thư đã được giải quyết cho nhập khẩu vào hộ Lương Bích C.

Sau khi được nhập vào hộ khẩu do C làm chủ hộ, lúc này Châu Phương A tiếp tục mang tên giả là Châu Anh Thư, sinh ngày 20/10/1993, sử dụng hộ khẩu có tên giả Châu Anh Thư và được Trần Thanh L chở đến Công an tỉnh Bạc Liêu làm giấy chứng minh nhân dân mang tên giả Châu Anh Thư và được cấp giấy vào ngày 15/8/2017. Tiếp đó, Lương Văn S chở Châu Phương A đến Ủy ban nhân dân xã LD để bị cáo Châu Phương A làm tờ khai đăng ký khai sinh với tên giả Châu Anh Thư làm giấy khai sinh và được cấp giấy vào ngày 17/8/2017. Sau khi có các giấy tờ giả nêu trên Châu Phương A chưa kịp sử dụng cho mục đích ban đầu thì đến ngày 13/9/2017, qua công tác rà soát hồ sơ Đội Cảnh sát quản lý hành chính và trật tự xã hội Công an huyện Đông Hải phát hiện trường hợp đăng ký hộ khẩu của Châu Anh Thư không đúng và có dấu hiệu tội phạm nên chuyển hồ sơ, tài liệu đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đông Hải điều tra làm rõ.

Ngày 11/9/2018, Công an huyện Đông Hải đã ban hành Quyết định số 59/QĐ-CADH hủy kết quả đăng ký thường trú đối với nhân khẩu Châu Anh Thư, sinh ngày 20/10/1993 trong sổ hộ khẩu số: 030088539 do Công an xã Long Điền ký giải quyết ngày 10/8/2017.

Ngày 15/11/2018, Ủy ban nhân dân huyện Đông Hải đã ban hành Quyết định số 4653/QĐ-UBND thu hồi, hủy bỏ Giấy khai sinh (bản chính) của Châu Anh Thư, sinh ngày 20/10/1993 do Ủy ban nhân dân xã Long Điền cấp ngày 17/8/2017.

Tại các bản kết luận giám định số 174/GĐ-2018 ngày 30/7/2018, số 90/GĐ-2018 ngày 10/4/2018, số 93/GĐ-2019 ngày 17/9/2019 và số 141/GĐ-2020 ngày 12/02/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bạc Liêu kết luận:

- Về nội dung giám định chữ ký, chữ viết của Trần Tấn P, Võ Văn P1, dấu tròn đỏ của Công an xã An Trạch A:

+ Chữ ký mang tên Trần Tấn P trên tài liệu cần giám định ký hiệu A so với chữ ký của Trần Tấn P trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu từ M2 đến M6 do cùng một người ký ra.

+ Chữ ký mang tên Võ Văn P1 trên tài liệu cần giám định ký hiệu A so với chữ ký của Võ Văn P1 trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu từ M7 đến M10 do cùng một người ký ra.

+ Chữ viết ở mục: “1. Kết quả xác minh” trên tài liệu cần giám định ký hiệu A so với chữ viết của Trần Tấn P trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M2, M3, M4, M6 do cùng một người viết ra.

+ Chữ viết ở mục: “1. Kết quả xác minh” trên tài liệu cần giám định ký hiệu A so với chữ viết của Võ Văn P1 trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu từ M7 đến M10 không cùng một người viết ra.

+ Hình dấu tròn có nội dung “Công an xã An Trạch A, huyện Đông Hải, tỉnh Bạc Liêu” đóng dưới mục: “TRƯỜNG CÔNG AN” trên mặt sau “PHIẾU XÁC MINH HỘ KHẨU, NHẬN KHẨU” trên tài liệu cần giám định ký hiệu A so với hình dấu tròn có nội dung “Công an xã An Trạch A, huyện Đông Hải, tỉnh Bạc Liêu” trên tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M1 là do cùng một con dấu đóng ra.

- Về nội dung giám định dấu vân tay của Châu Phương A: Dấu vân tay in trên giấy chứng minh nhân dân số 385 848 760; Họ tên: Châu Anh Thư, sinh ngày 20/10/1993; Nguyên quán: AT.A, ĐH; Bạc Liêu; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: ấp CD.A, LĐ, ĐH, Bạc Liêu; cấp ngày 15 tháng 8 năm 2017; Nơi cấp: Công an tỉnh Bạc Liêu, (kí hiệu A) với dấu vân tay in trên giấy chứng minh nhân dân số 385 557 881; Họ tên: Châu Phương A, sinh ngày 02/9/1995; Nguyên quán: AT.A, ĐH, Bạc Liêu; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: CD.A, LĐ, ĐH, Bạc Liêu; cấp ngày 21 tháng 04 năm 2016; Nơi cấp: Công an tỉnh Bạc Liêu, (kí hiệu M) là do cùng một người in ra.

- Về nội dung giám định chữ ký, chữ viết của Lương Bích C, Lương Văn S:

+ Chữ ký mang tên “*Lương Bích C*” dưới mục “*Ý kiến của chủ hộ*” trên mặt trước của Phiếu báo thay đổi hộ khẩu, nhân khẩu không phải do bà Lương Bích C ký ra.

+ Chữ ký mang tên “*Lương Bích C*” dưới mục “*Ý kiến của chủ hộ*” trên mặt trước của Phiếu báo thay đổi hộ khẩu, nhân khẩu không phải do ông Lương Văn S ký ra.

+ Chữ ký mang tên “*Châu Anh Thư*” dưới mục “*Người khai hoặc người viết hộ*” là do ông Lương Văn S ký ra.

+ Chữ ký mang tên “*Đỗ Văn N*” dưới mục “*Người tham gia*” trong biên bản xác minh đương sự Châu Anh Thư là do ông Lương Văn S ký ra.

+ Chữ ký mang tên “*Lương Bích C*” dưới mục “*Người làm đơn*” trong đơn xin xác nhận mối quan hệ gia đình là do ông Lương Văn S ký ra.

+ Chữ viết “*Lương Bích C*” dưới mục “*Ý kiến chủ hộ*” trên Phiếu báo thay đổi hộ khẩu, nhân khẩu không phải do bà Lương Bích C viết ra.

+ Chữ viết “*Lương Bích C*” dưới mục “*Ý kiến chủ hộ*” trên Phiếu báo thay đổi hộ khẩu, nhân khẩu không phải do ông Lương Văn S viết ra.

+ Chữ viết “*Châu Anh Thư*” dưới mục “*Người khai hoặc người viết hộ*” là do ông Lương Văn S viết ra.

+ Chữ viết “*Đỗ Văn N*” dưới mục “*Người tham gia*” trong Biên bản xác minh đương sự Châu Anh Thư là do ông Lương Văn S viết ra.

+ Chữ viết mang tên Lương Bích C dưới mục “*Người làm đơn*” trong đơn xin xác nhận mối quan hệ gia đình là do ông Lương Văn S viết ra.

- Về nội dung giám định chữ viết, chữ ký của Châu Phương A:

+ Chữ viết trên tài liệu cần giám định ký hiệu A1 so với chữ viết trên tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M1 là do cùng một người viết ra.

+ Chữ viết tên “*Châu Anh Thư*” dưới mục “*Người yêu cầu*” và “*NGƯỜI KHAI*” trên tài liệu cần giám định ký hiệu A1, A2 so với chữ viết tên “*Châu Anh Thư*” dưới các mục “*Mẫu 1*”, “*Mẫu 2*”, “*Mẫu 3*” trên mặt trước tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M3 là do cùng một người viết ra;

+ Không đủ cơ sở kết luận giám định chữ ký mang tên “*Châu Anh Thư*” dưới mục “*người yêu cầu*” trên tài liệu cần giám định ký hiệu A1 so với chữ ký mang tên “*Châu Anh Thư*” dưới các mục “*Mẫu 1*”, “*Mẫu 2*”, “*Mẫu 3*” trên mặt trước tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M3 có phải do cùng một người ký ra hay không.

+ Chữ ký mang tên “*Châu Anh Thư*” dưới mục “*NGƯỜI KHAI*” trên tài liệu cần giám định ký hiệu A2 so với chữ ký mang tên “*Châu Anh Thư*” dưới các mục “*Mẫu 1*”, “*Mẫu 2*”, “*Mẫu 3*” trên mặt trước tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M3 là do cùng một người ký ra.

- Về vật chứng của vụ án: Về vật chứng, tài liệu, đồ vật tạm giữ của vụ án bao gồm các tài liệu, giấy tờ của các cơ quan, cá nhân liên quan và các tài liệu, giấy tờ giả mang tên Châu Anh Thư hiện Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đông Hải đã đưa vào hồ sơ vụ án và trả lại cho các cơ quan, cá nhân liên quan theo quy định.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 35/2020/HS-ST ngày 25/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện Đông Hải, tỉnh Bạc Liêu đã tuyên:

1. Tuyên bố các bị cáo Lương Bích C, Lương Văn S, Châu Phương A, Trần Thanh L phạm tội “*Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức*”.

1.1 Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 267, điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 20; Điều 33 và Điều 53 Bộ luật Hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009 (nay là điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các Điều 17, 38 và 58 Bộ luật Hình sự).

Xử bị cáo Lương Bích C 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt đi chấp hành án.

Xử phạt bị cáo Lương Văn S 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt đi chấp hành án.

Xử phạt bị cáo Trần Thanh L 02 (hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt đi chấp hành án.

1.4 Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 267, điểm p, 1 khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 20; Điều 33; Điều 47; Điều 53 Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009 (nay là điểm n, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Các Điều 17, 38 và 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017).

Xử bị cáo Châu Phương A 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt đi chấp hành án.

Ngoài ra bản án còn xử lý vật chứng, án phí hình sự sơ thẩm và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 29/9/2020 và 30/9/2020, bị cáo Lương Bích C, Lương Văn S kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét cho hưởng mức án thấp nhất theo quy định tại khoản 1 Điều 267 Bộ luật hình sự năm 1999; sửa đổi bổ sung năm 2009; bị cáo Trần Thanh L kháng cáo xin được hưởng án treo; bị cáo Châu Phương A xin được hưởng hình phạt chính là phạt tiền.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Các bị cáo Lương Bích C, Lương Văn S, Trần Thanh L và Châu Phương A vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu phát biểu quan điểm: Chấp nhận đơn kháng cáo của bị cáo nộp trong hạn luật định là phù hợp nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm. Về nội dung: các bị cáo đã thực hiện hành vi trái pháp luật là làm giả hộ khẩu nhằm mục đích lừa dối các cơ quan quản lý về hộ tịch để được đăng ký kết hôn với người nước ngoài. Do đó, hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan tổ chức” theo quy định tại Điều 267 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 là có căn cứ. Tuy nhiên, xét thấy hành vi của ông Trần Tấn P, Trần Thành H, Võ Văn P1 và ông Đỗ Minh T thiếu kiểm tra trong việc xác minh nhân khẩu, hộ khẩu, tạo điều kiện thuận lợi cho các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội là có dấu hiệu của tội “Giả mạo trong công tác” theo quy định tại Điều 284 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 1 Điều 355, điểm a khoản 1 Điều 358 Bộ luật tố tụng hình sự, hủy toàn bộ bản án hình sự sơ thẩm số 35/2020/HSST ngày 25/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện Đông Hải, tỉnh Bạc Liêu, chuyển hồ sơ cho viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hải, tỉnh Bạc Liêu để điều tra lại theo thủ tục chung.

Luật sư bào chữa cho các bị cáo: đồng ý với quan điểm của kiểm sát viên về tội danh của các bị cáo. Tuy nhiên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng khoản 1 Điều 267 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo, bởi lẽ mục đích cuối cùng của các bị cáo là mong muốn được kết hôn với người nước ngoài. Đồng thời, khi các bị cáo làm xong các giấy tờ giả thì các bị cáo cũng chưa sử dụng giấy tờ này vào mục đích kết hôn với người nước ngoài nên có thể xem như hậu quả chưa xảy ra. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355; điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự, chấp nhận nội dung kháng cáo của các bị cáo; sửa bản án hình sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Đông Hải, tỉnh Bạc Liêu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Đơn kháng cáo của bị cáo đúng về thể thức và thời hạn nên được Hội đồng xét xử xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Tại phiên tòa phúc thẩm, với mong muốn bị cáo Châu Phương A được kết hôn với một người Hàn Quốc mang tên Seo Jeong H nên các bị cáo Lương Bích C, Lương Văn S đã thống nhất bịa ra một tên không là Châu Anh Thư. Để làm giả được các giấy tờ mang tên không Châu Anh Thư, bị cáo C, S đã nhờ sự quen biết, giới thiệu của bị cáo Trần Thanh L với những cán bộ có chức vụ quyền hạn trong quản lý nhân khẩu để giúp đỡ. Bên cạnh đó, cũng do sự cầu thả, thiếu trách nhiệm trong công tác xác minh, quản lý nhân khẩu của các cán bộ Công an xã AT.A và xã LĐ trong việc xác minh Châu Anh Thư thành một con người có thật đã từng sinh sống tại ấp X, xã AT.A và đang sinh sống tại ấp CD.A, xã LĐ và từ đó đã nhập khẩu được Châu Anh Thư vào hộ khẩu do bị cáo Lương Bích C làm chủ hộ.

Sau khi có hộ khẩu, để thực hiện được việc đăng ký kết hôn với người nước ngoài thì bị cáo Châu Phương A sử dụng tên giả là Châu Anh Thư để lừa dối cơ quan nhà nước nhằm làm chứng minh nhân dân (đi cùng với bị cáo L) và giấy khai sinh (đi cùng với bị cáo S). Sự việc bị phát hiện khi các bị cáo chưa kịp thực hiện được việc kết hôn với người Hàn Quốc tên Seo Jeong H.

Như vậy, từ việc làm giả hộ khẩu mang tên Châu Anh Thư mà các bị cáo đã thực hiện hành vi trái pháp luật là chứng minh nhân dân và giấy khai sinh mang tên Châu Anh Thư. Do đó, hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Làm giả tài liệu của cơ quan tổ chức”. Các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội trước 0 giờ ngày 01/01/2018 nên hành vi phạm tội của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Làm giả tài liệu của cơ quan tổ chức” theo quy định tại Điều 267 bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009.

Mặc dù các bị cáo đã nhiều lần thực hiện hành vi lừa dối cơ quan quản lý nhà nước nhưng việc lừa dối đó là nhằm mục đích đăng ký kết hôn với người nước ngoài. Tuy nhiên, việc kết hôn giữa bị cáo Châu Phương A với Seo Jeong H chưa được thực hiện thì đã bị các cơ quan quản lý nhà nước phát hiện và xử lý. Cho nên, hành vi của các bị cáo chỉ đủ yếu tố cấu thành tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức” theo quy định tại khoản 1 Điều 267 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009.

Tuy nhiên, xét thấy khung hình phạt về tội “Làm giả tài liệu của cơ quan tổ chức” quy định tại khoản 1 Điều 341 Bộ luật hình sự có khung hình phạt nhẹ hơn so với quy định tại khoản 1 Điều 267 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 nên Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội và khoản 3 Điều 7 Bộ luật hình sự tuyên bố các bị cáo phạm tội “Làm giả tài liệu của cơ quan tổ chức” theo quy định tại khoản 1 Điều 341 Bộ luật hình sự.

Hành vi phạm tội của các bị cáo không những đã làm ảnh hưởng xấu đến hoạt động bình thường của cơ quan trong lĩnh vực quản lý hành chính Nhà

nước về con dấu, tài liệu, mà còn gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an tại địa phương. Các bị cáo là người trưởng thành, có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, biết rõ hành vi của mình là trái pháp luật, là gây nguy hiểm cho xã hội nhưng với mong muốn cho bị cáo Châu Phương A sớm được kết hôn với người nước ngoài, mà các bị cáo bất chấp pháp luật, thực hiện hành phạm tội với lỗi cố ý. Do vậy, cần phải có mức hình phạt phù hợp với tính chất mức độ nguy hiểm cho xã hội đối với hành vi phạm tội của các bị cáo, để nhằm giáo dục riêng và phòng ngừa chung đối với loại tội phạm này.

[2.2] Về nội dung đơn kháng cáo: nhận thấy, cấp sơ thẩm tuyên bố các bị cáo phạm tội với tình tiết định khung tăng nặng là “phạm tội nhiều lần” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 267 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 là chưa đánh giá đúng sự thật khách quan của vụ án nên cấp phúc thẩm có căn cứ chấp nhận nội dung đơn kháng cáo của các bị cáo. Tuy nhiên, trong vụ án có nhiều bị cáo cùng thực hiện hành vi phạm tội nên cũng cần đánh giá tính chất mức độ hành vi phạm tội của từng bị cáo khi lượng hình.

Xét thấy, trong vụ việc này, bị cáo C là người trực tiếp bàn bạc với Lương Văn S thực hiện hành vi giả mạo nhân thân cả Châu Phương A thành Châu Anh Thư. Khi bị cáo S không thực hiện được thì bị cáo lại tiếp tục nhờ Trần Thanh L thực hiện. Bị cáo Lương Văn S và Trần Thanh L chỉ thực hiện hành vi phạm tội với vai trò giúp sức cho bị cáo C nên hành vi của các bị cáo là như nhau và có án ngang nhau là có căn cứ. Xét thấy hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm đến quyền quản lý của nhà nước mà còn gây mất trật tự tại địa phương nên cần cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống chung của xã hội một thời gian nhất định để răn đe, giáo dục các bị cáo trở thành công dân tốt, sống có ích và biết tuân thủ pháp luật.

Đối với bị cáo Châu Phương A: tuy không trực tiếp tham gia bàn bạc, nhưng vì muốn kết hôn với người nước ngoài nên đã mặc nhiên đồng ý theo sự sắp xếp của bị cáo C và S để làm các giấy tờ giả nên bị cáo phải chịu trách nhiệm với vai trò đồng phạm. Trong vụ án này, bị cáo Phương A thực hiện hành vi phạm tội với tính chất, mức độ phạm tội thấp hơn các bị cáo khác nên có mức án nhẹ hơn là có căn cứ.

Khi lượng hình, Hội đồng xét xử phúc thẩm có xem xét các tình tiết giảm nhẹ cho các bị cáo như: các bị cáo mới phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; gia đình của các bị cáo có công với cách mạng theo quy định tại điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Riêng bị cáo Phương A khi phạm tội là phụ nữ đang mang thai; trong thời gian dịch Covid 19 bùng nổ thì bị cáo cũng có thành tích trong việc đấu tranh phát hiện những người trong vùng dịch đến tạm trú ở địa phương (văn bản số 28/BXNTT-CAH ngày 20/8/2020 của Công an huyện Đông Hải, tỉnh Bạc Liêu) nên được áp dụng thêm điểm n khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Nhận thấy, bị cáo Phương A phạm tội với tính chất mức độ phạm tội nhẹ hơn các bị cáo khác và có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, bản thân bị cáo hiện đang nuôi con nhỏ dưới 36 tháng tuổi nên áp dụng hình phạt tiền là hình phạt chính đối với bị cáo cũng đủ răn đe, giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt, biết tuân thủ pháp luật.

Đối với kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo Trần Thanh L: như đã phân tích, xuất phát từ các mối quan hệ của bị cáo mà các bị cáo khác mới thực hiện được hành vi phạm tội nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo.

Đối với hành vi của Trần Tấn P, Trần Thành H, Võ Văn P1 và ông Đỗ Minh T thiếu kiểm tra trong việc xác minh nhân khẩu, hộ khẩu; tuy nhiên qua xem xét điều tra nhận thấy hành vi của Trần Tấn P, Trần Thành H, Võ Văn P1 và ông Đỗ Minh T không có mục đích vụ lợi và đã bị xử lý về mặt chính quyền nên không truy cứu trách nhiệm hình sự là có căn cứ.

[4] Từ những nhận định nêu trên, không có căn cứ chấp nhận ý kiến của kiểm sát viên giữ quyền công tố tại phiên tòa phúc thẩm mà cần chấp nhận ý kiến bào chữa của luật sư là sửa bản án hình sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Đông Hải, tỉnh Bạc Liêu theo hướng các bị cáo phạm tội “Làm giả tài liệu của cơ quan tổ chức” theo quy định tại khoản 1 Điều 341 Bộ luật hình sự.

[5] Về án phí hình sự phúc thẩm: do nội dung kháng cáo của các bị cáo được chấp nhận nên các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm c, d khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Lương Bích C, Lương Văn S, Trần Thanh L và Châu Phương A. Sửa bản án hình sự sơ thẩm số 35/2020/HS-ST ngày 25/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện Đông Hải, tỉnh Bạc Liêu về điều khoản và hình phạt.

1. Tuyên bố các bị cáo Lương Bích C, Lương Văn S, Trần Thanh L và Châu Phương A phạm tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan tổ chức”.

2. Căn cứ khoản 1 Điều 341; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Lương Bích C 09 (chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính kể từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

Xử phạt bị cáo Lương Văn S 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính kể từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

Xử phạt bị cáo Trần Thanh L 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính kể từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

3. Căn cứ khoản 1 Điều 341; điểm n, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Châu Phương A số tiền 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng) nộp ngân sách nhà nước.

4. Về án phí hình sự phúc thẩm:

Căn cứ điểm h khoản 2 Điều 23 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: các bị cáo Lương Bích C, Lương Văn S, Trần Thanh L và Châu Phương A không phải nộp án phí.

Các phần quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Bản án hình sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bạc Liêu (02 bản);
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh Bạc Liêu (01 bản);
- TAND H. Đông Hải (02 bản);
- VKSND H.Đông Hải (01 bản)
- CQĐT H. Đông Hải (01 bản);
- Chi cục THA dân sự H. Đông Hải (01 bản);
- Sở Tư pháp tỉnh Bạc Liêu (1 bản);
- Bị cáo (01 bản);
- Lưu: HS, THS, THCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Châu Văn Mỹ